**BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ**

**Trường: THCS Yên Nghĩa Họ tên giáo viên: Đỗ Thị Thắm**

**Tổ: KHTN Ngày soạn: 19/09/2022**

**Tiết: 35-36 Tên bài kiểm tra: Kiểm tra giữa kì I**

**Bộ sách:Cánh diều Thời gian: 60 phút**

**I. MỤC TIÊU**

1. Về năng lực

- Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.

- Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.\*

- Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.

- Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.\*

- Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên (các dụng cụ đo chiều dài, thể tích, ...).\*

- Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.

- Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.\*

- Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.

- Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.

- Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh...).\*

- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản ba thể (rắn; lỏng; khí) thông qua quan sát.\*

- Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.

- Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hoá học).

- Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.\*

- Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển thể (trạng thái) của chất.

- Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc; bay hơi, ngưng tụ; sôi.\*

- Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).

- Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.

- Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).\*

- Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.

- Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.

- Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.\*

- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như:

+ Một số vật liệu (kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh, ...);

+ Một số nhiên liệu (than, gas, xăng dầu, ...); sơ lược về an ninh năng lượng;\*

+ Một số nguyên liệu (quặng, đá vôi, ...);

+ Một số lương thực - thực phẩm.

- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm thông dụng.\*

- Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm.\*

- Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.

2. Về phẩm chất.

- Trung thực trong kiểm tra

- Chăm chỉ làm bài kiểm tra.

**II. YÊU CẦU**

1.Giáo viên: phô tô đề kiểm tra

2. Học sinh: Bút, giấy nháp, ôn tập lại bài

**III. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Tên bài kiểm tra** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1 | 45 phút | Kiểm tra giữa kì I | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 2 | 15 phút/45 phút | Kiểm tra giữa kì I | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 30 phút | Chữa bài kiểm tra |  |  |

1. **Khung ma trận**
* **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa kì I lớp 6 Tuần 9 tiết 35-36. Gồm những chủ đề:
1. Mở đầu.
2. các phép đo.
3. Các thể của chất.
4. Oxygen và không khí.
5. Một số nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm.
* **Thời gian làm bài:** 60 phút.
* **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

# Cấu trúc:

* **Mức độ đề:** 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
* **Phần trắc nghiệm:** 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;
* **Phần tự luận:** 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu/số ý** | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* |
| *1. Mở đầu*  |   | **3** | 5 |  |   |  |   |   | 5 | 4 | 2.0 |
| *2. các phép đo* | 4 | **3** |   | **3** |   |  |   |  | 4 | 5 | 2.5 |
| *3. Các thể của chất* |   | **2** |   |  |   |  | 4 |   | 4 | 2 | 1.50 |
| *4. Oxygen và không khí* |   | **2** |   |  | 4 |  |   |   | 4 | 2 | 1.50 |
| *5. Một số nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực - thực phẩm* |   | **2** | 3 | **1** | 4 |  |   |   | 7 | 3 | 2.50 |
| **Số câu** | **4** | **12** | **8** | **4** | **8** | **0** | **4** | **0** | 24 | 16 | 10,00 |
| **Điểm số** | **1,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | **3,0 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** | **10 điểm** | **10 điểm** |

1. **Bản đặc tả**

| **Nội dung và đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | **Câu hỏi** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL(Câu số) | TN(Câu số) |
| ***1. Mở đầu (7 tiết)*** |  |  |  |  |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên- Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên |  |  |  |  |
| – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  | 1 |  | C1 |
| – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...). |  | 1 |  | C2 |
| – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  | **1** |  | C3 |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  |  |  |  |
| – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. | **5** |  | C1 |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
|  | ***2. Các phép đo (10 tiết)*** |  |  |  |  |
| - Đo chiều dài, khối lượng và thời gian- Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian. | **4** |  | C2 |  |
| - Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 1 |  | C4 |
| - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 1 |  | C5 |
| – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  |  |  |  |
| – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| – Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  | **1** |  | C6 |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ) |  | **1** |  | C7 |
| – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo. |  | **1** |  | C8 |
| - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | C9 |
| **Vận dụng** | - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. |  |  |  |  |
| – Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. |  |  |  |  |
|  | ***3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (9 tiết)*** |  |  |  |  |
| – Sự đa dạng của chất– Ba thể (trạng thái) cơ bản của– Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta. |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên. |  | **1** |  | C10 |
| - Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo. |  |  |  |  |
| **-** Nêu được chất có trong các vật vô sinh. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật hữu sinh. |  | **1** |  | C11 |
| Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy | **1** |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự sự sôi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự sự bay hơi. | **1** |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự đông đặc. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn. |  |  |  |  |
| **Nhận biết** | – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể lỏng. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| – Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  |  |  |  |
| – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  |  |  |  |
| – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  | **1** |  | C12 |
| – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  | **1** |  | C13 |
| **Thông hiểu** | – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. |  | **1** |  | C14 |
| - So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. | **4** |  | C4 |  |
| **Vận dụng cao** | - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.- Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. | **4** |  | C3 |  |
|  | ***4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)*** |  |  |  |  |
| – Một số vật liệu– Một số nhiên liệu– Một số nguyên liệu– Một số lương thực – thực phẩm | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,... |  | **1** |  | C15 |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ... | **3** |  | C5 |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ... |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. |  | 1 |  | C16 |
| – Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | Phân tích, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm. |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng. | **4** |  | C6 |  |
| – Thu thập dữ liệu thảo luận để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  |  |  |  |

1. **Đề kiểm tra**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2021-2022**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**

Thời gian làm bài 60 phút

**I. TRẮC NGIỆM: 4,0 điểm**

*Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:*

**Câu 1:** Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?

 A. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.

 B. Chỉ làm thí nghiệm, thực hành khi có sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên.

 C. Thực hiện đúng nguyên tắc khi sử dụng hóa chất, dụng cụ, thiết bị trong phòng thực hành.

D. Tất cả các ý trên.

**Câu 2:** Khi quan sát tế bào thực vật ta nên chọn loại kính nào?

 A. Kính có độ. B. Kính lúp.

 C. Kính hiển vi. D. Kính hiển vi hay kính lúp đều được.

**Câu 3:** Ý nào sau đây **không** phải là vai trò của khoa học tự nhiên trong đời sống?

1. Mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế.
2. Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.
3. Bảo vệ sức khỏe và đời sống con người.
4. Định hướng tư tưởng, phát triển hệ thống chính trị.

**Câu 4:** Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là ?

A. Đề xi mét (dm). B. Mét (m).

C. Centimet (cm). D. Milimet (mm).

**Câu 5:** Để đo khối lượng của một vật người ta dùng:

1. Cân.
2. Thước dây
3. Nhiệt kế
4. ống nhỏ giọt

**Câu 6:** Nhiệt kế thường dùng hoạt động dựa trên sự giãn nở vì nhiệt của chất:

1. Rắn
2. Lỏng
3. Khí
4. Sắt

**Câu 7:** Dựa vào quan sát hãy sắp xếp các đoạn thẳng (nằm ngang) trên hình 1 theo thứ tự từ ngắn đến dài.

1. 1- 2- 3
2. 3- 2 – 1

1

2

3

Hình 1

1. 2 – 3 - 1
2. Bằng nhau.

**Câu 8:** Trước khi đo độ dài một vật, ta cần ước lượng độ dài của vật để:

1. Tìm cách đo thích hợp.
2. Chọn dụng cụ đo thích hợp.
3. Kiểm tra kết quả sau đo.
4. Thực hiện cả ba công việc trên.

**Câu 9:** Thước thích hợp để đo bề dày quyển sách Khoa học tự nhiên 6 là :

 A. Thước kẻ có giới hạn đo 10cm và độ chia nhỏ nhất là 1mm.

 B. Thước dây có giới hạn đo 1m và độ chia nhỏ nhất 1cm.

 C. Thước cuộn có giới hạn đo 3m và độ chia nhỏ nhất 5cm.

 D. Thước thẳng có giới hạn đo 1,5m và độ chia nhỏ nhất 1cm.

**Câu 10:** Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo là

 A. vật thể nhân tạo đẹp hơn vật thể tự nhiên.

 B. vật thể nhân tạo do con người tạo ra.

 C. vật thể tự nhiên làm từ chất, còn vật thể nhân tạo làm từ vật liệu.

 D. vật thể tự nhiên làm từ các chất trong tự nhiên, vật thể nhân tạo làm từ các chất nhân tạo.

**Câu 11:** Tất cả các trường hợp nào sau đây đều là chất?

 A. Đường mía, muối ăn, con dao. B. Con dao, đôi đũa, cái thìa nhôm.

 C. Nhôm, muối ăn, đường mía. D. Con dao, đội đũa, muối ăn.

**Câu 12:** Trong không khí, oxygen chiếm khoảng bao nhiêu phần về thể tích?

1. 1/5
2. 1/4
3. 1/10
4. 1/20

**Câu 13:** Những biện pháp nào sau đây **không** góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm không khí?

1. Cắt giảm lượng khí thải từ các nhà máy công nghiệp.
2. Trồng nhiều cây xanh.
3. Không đốt các phế phẩm nông nghiệp.
4. Tăng cường sử dụng các phương tiện như oto, xe máy

**Câu 14:** Đặc điểm cơ bản để nhận biết chất rắn là:

1. Có hình dạng và thể tích xác định.
2. Không có thể tích xác định.
3. Không có hình dạng xác định.
4. Không có thể tích xác định và hình dạng xác định.

**Câu 15:** Nguyên liệu nào sau đây được sử dụng trong lò nung vôi?

 A. Cát.

 B. Gạch.

 C. Đá vôi

 D. Đất sét.

**Câu 16:** Gạo sẽ cung cấp chất dinh dưỡng nào nhiều nhất cho cơ thể?

 A. Carbohydrate (chất đường, bột).

 B. Protein (chất đạm).

 C. Lipid (chất béo).

 D. Vitamin.

**II. Tự luận**

**Câu 1**: Hãy cho biết các vật sau đây vật nào là vật sống và vật nào là vật không sống?

1. Con cá
2. Cây hoa hồng.
3. Cái thước kẻ
4. Chiếc xe đạp
5. Ngôi nhà.

**Câu 2:** Nêu các bước để đo khối lượng một vật bằng cân?

**Câu 3**: Khi phơi quần áo em thường thấy người ta phơi ở nơi trời nắng, có gió, và cần căng quần áo ra, tại sao lại vậy? Từ hiện tượng thực tế này em hãy nêu dự đoán của mình về tốc độ bay hơi phụ thuộc vào những yếu tố nào?

                             

**Câu 4:** Ô nhiễm không khí ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên và đời sống sinh vật. Em có thể làm gì để góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường không khí?

**Câu 5**: Trình bày tính chất và ứng dụng của xăng dầu?

**Câu 6:** Lương thực – Thực phẩm tươi sống dễ bị hỏng, đặc biệt trong môi trường nóng ẩm của nước ta. Em hãy nêu dấu hiệu hư hỏng của gạo và đề xuất phương án, cách bảo quản gạo được lâu.

1. **Hướng dẫn chấm**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1**

**I. TRẮC NGHIỆM: 4 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| Đ/A | A | C | B | B | A | B | D | B | A | D | C | A | D | A | C | A |

II. TỰ LUẬN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Đáp án | Điểm |
| Câu 1 | 1. Vật sống gồm:
2. Con cá
3. Cây hoa hồng.

2. Vật không sống gồm:1. Cái thước kẻ
2. Chiếc xe đạp
3. Ngôi nhà
 | 0,250,250.250,250,25 |
| Câu 2 | các bước để đo khối lượng một vật bằng cân là: * Ước lượng khối lượng cần đo để chọn cân phù hợp.
* Điều chỉnh để kim cân chỉ đúng vạch số 0.
* Đặt vật lên đĩa cân hoặc treo vật lên đĩa cân.
* Đặt mắt nhìn, đọc và ghi kết quả.
 | 0,250,250,25O,25 |
| Câu 3 | * Khi phơi quần áo em thường thấy người ta phơi ở nơi trời nắng, có gió, và cần căng quần áo ra vì làm như thế quần áo sẽ nhanh khô hơn
* Dự đoán: Tốc độ bay hơi phụ thuộc vào: nhiệt độ, gió, diện tích mặt thoang
 | 0,250,75 |
| Câu 4 | Để góp phần giảm thiểu ô nhiễm không khí các em học sinh cần:* Tích cực tham gia trồng cây xanh …
* tuyên truyền, vận động mọi người cùng chung tay bảo vệ môi trường.
* Sử dụng các loại túi có thể tái sử dụng thay vì sử dụng túi nilon một lần; không xả rác bừa bãi…
* Sử dụng tiết kiệm điện, nước, thực hiện “tắt khi không sử dụng”…
* …………………….

*Lưu ý học sinh chỉ cần nêu được đúng các biện pháp không nhất thiết phải giống các biện pháp ở trên là cho điểm tối đa.* | 0,250,250,250,25 |
| Câu 5 | Tính chất và ứng dụng của xăng dầu:* Tính chất: Là chất lỏng, dễ bay hơi, dễ bắt lửa.
* Ứng dụng: Đun nấu và chạy các loại động cơ như xe máy, oto..
 | 0,50,25 |
| Câu 6 | * Dấu hiệu hư hỏng của gạo :

+ Biến đổi màu sắc, có mốc xanh trên bề mặt.+ Hạt gạo mục, nát…* Phương án, cách bảo quản gạo được lâu:

+ Bảo quản trong chum, vại, thùng…+ Đặt ở nơi khô thoáng tránh ẩm*HS có thể nêu thêm các dấu hiệu và biện pháp bảo vệ khác, nếu đúng vẫn cho điểm* | 0,250,250,250,25 |